SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG PT DTNT THCS VÀ THPT ĐĂK R'LẤP

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	217	31	31	29	31	32	30	33
1	Tốt	177	21	24	17	29	23	30	33
	Tỷ lệ	81,57	67,74	77,42	58,62	93,55	71,88	100,00	100
2	Khá	31	4	7	9	3	8	0	0
	Tỷ lệ	14,29	12,90	22,58	31,03	9,68	25,00	0,00	0,00
3	Đạt	10	6	0	3	0	1	0	0
	Tỷ lệ	4,61	19,35	0,00	10,34	0,00	3,13	0,00	0,00
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
II	Số học sinh chia theo KQ học tập	217	31	31	29	31	32	30	33
1	Tốt	21	1	1	0	3	2	7	7
	Tỷ lệ	9,68	3,23	3,23	0,00	9,68	6,25	4,00	21,21
2	Khá	96	9	13	12	12	13	15	22
	Tỷ lệ	44,24	29,03	41,94	41,38	38,71	40,63	18,00	66,67
3	Đạt	93	17	15	15	17	17	8	4
	Tỷ lệ	42,86	54,84	48,39	51,72	54,84	53,13	11,00	12,12
4	Chưa đạt	8	4	2	2	0	0	0	0
	Tỷ lệ	3,69	12,90	6,45	6,90	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	217	31	31	29	31	32	30	33
1	Lên lớp	211	27	30	27	32	32	30	33
	Tỷ lệ	97,24	87,10	96,77	93,10	103,23	100,00	100,00	100,00
a	Học sinh Xuất sắc	2	0	0	0	0	0	1	1
	Tỷ lệ	0,92	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3,33	3,03
b	Học sinh Giỏi	21	1	1	3	2	2	6	6
	Tỷ lệ	9,68	3,23	3,23	10,34	6,45	6,25	20,00	18,18
2	Đánh giá lại	11	5	2	2	0	1	1	0
	Tỷ lệ	5,07	16,13	6,45	6,90	0,00	3,13	3,33	0,00
3	Không được lên lớp	8	4	2	2	0	0	0	0
	Tỷ lệ	3,69	12,90	6,45	6,90	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Chuyển trường đến/đi	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Bị đình chỉ học tập	0,00							
6	Bỏ học *(trong hè và trong năm học)*	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG	0							
1	Cấp huyện	0							
2	Cấp tỉnh/thành phố	3						2	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0							
V	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	64				31			33
VI	Số HS được công nhận TN *(cả hai hệ)*	58				26			32
1	Giỏi	0				0			
	Tỷ lệ	0,00				0,00			0,00
2	Khá	12				12			
	Tỷ lệ	20,69				46,15			0,00
3	Trung bình	49				17			32
	Tỷ lệ	84,48				65,38			100,00
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	18							18
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	95/124	11/20	12/20	19/10	13/19	20/12	12/18	8/25
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	211	29	31	27	31	31	30	32

Kiến Đức, ngày 01 tháng 7 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THCS VÀ THPT ĐĂK R'LẤP

Nguyễn Văn Lam